TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2022/DS-ST
Ngày: 23 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà V. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2.2. Ông X. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D trình bày:* Bà V và ông X làm chủ hụi, bà D là hụi viên, hụi khui được một thời gian thì bà V và ông X không khui hụi nữa, bà D đã tham gia và đóng 04 dây hụi do bà V và ông X làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/8/2018 âm lịch, có 20 phần, bà D tham gia 01 phần (để tên D), đã đóng hụi sống được 13 lần x

3.000.000đồng = 39.000.000đồng, đến lần khui thứ 14 thì bà V và ông X không khui hụi nữa và còn nợ bà D 39.000.000đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, mở ngày 10/10/2019 âm lịch, có 20 phần, bà D tham gia 01 phần (để tên D), đã đóng hụi sống được 07 lần x 3.000.000đồng = 21.000.000đồng, đến lần khui thứ 08 thì bà V và ông X không khui hụi nữa và còn nợ bà D 21.000.000đồng.

Dây 3: Hụi 2.000.000đồng, mở ngày 15/8/2020 âm lịch, có 29 phần, bà D tham gia 02 phần (để tên D), đã đóng hụi sống được 10 lần x 2.000.000đồng x 02 phần = 40.000.000đồng, đến lần khui thứ 11 thì bà V và ông X không khui hụi nữa và còn nợ bà D 40.000.000đồng.

Dây 4: Hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, bà Nhiên không nhớ ngày khui, có 21 phần, bà D tham gia 01 phần (để tên D), đã hốt xong và đã đóng hụi chết, còn nợ lại bà V và ông X 04 lần chưa đóng = 12.000.000đồng (Không còn giấy hụi).

Tổng cộng 04 dây hụi nêu trên ông X và bà V còn nợ bà D 88.000.000đồng (dây 1: 39.000.000đồng + dây 2: 21.000.000đồng + dây 3: 40.000.000đồng - dây 4: 12.000.000đồng).

Ngoài ra, bà V và ông X còn mượn của bà D nhiều lần với số tiền 95.000.000đồng, đã trả nhiều lần được 85.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng, ngày bà V trả tiền cho bà D lần cuối cùng thì bà V có yêu cầu bà D viết giấy tay cho bà V có nội dung bà V đã trả 85.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng và bà D giao cho bà V giữ giấy này.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết: *Buộc bà V và ông X trả số tiền nợ hụi là 88.000.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 98.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.*

Sau đó, bà D với bà V và ông X đã kết nợ với nhau, hai bên thống nhất xác định hiện nay đối với 04 dây hụi trên thì bà V và ông X còn nợ bà D số tiền nợ hụi là 52.900.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng. Đối với 02 dây hụi tháng 500.000đồng khui ngày nào bà D không nhớ, mỗi dây đều có 30 phần, 01 dây còn 11 lần mới mãn và 01 dây còn 06 lần mới mãn hai bên đã có tính toán khấu trừ với nhau trong vụ án, về sau bà D cam kết không tranh chấp gì với bà V và ông X.

Từ đó, tại phiên hòa giải ngày 03/6/2022, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết: *Buộc bà V và ông X trả số tiền nợ hụi là 52.900.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng, không yêu cầu tính lãi.*

Bà D yêu cầu bà V và ông X trả số tiền còn nợ trong 01 hoặc 02 lần, không đồng ý cho trả dần. Trường hợp hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ thì đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật; về phương thức trả nợ bà D đồng ý để đến giai đoạn thi hành án sẽ thỏa thuận lại với bà V và ông X. Đồng thời do bận đi làm ăn không có điều kiện đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà D xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà V và ông X trình bày:* Bà V và ông X thống nhất với lời trình bày của bà D nêu trên. Tại buổi hòa giải do Hòa giải viên tổ chức ngày 16/5/2022 thì hai bên đã kết nợ với nhau, hai bên thống nhất xác định hiện nay đối với 04 dây hụi trên thì bà V và ông X còn nợ bà D số tiền nợ hụi là 52.900.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng. Đối với 02 dây hụi tháng 500.000đồng khui ngày nào bà V và ông X không nhớ, mỗi dây đều có 30 phần, 01 dây còn 11 lần mới mãn và 01 dây còn 06 lần mới mãn hai bên đã có tính toán khấu trừ với nhau trong vụ án, về sau bà V và ông X cam kết không tranh chấp gì với bà D.

Tại phiên hòa giải ngày 03/6/2022, bà V và ông X cũng đồng ý là sẽ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền là 62.900.000đồng. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh bà V và ông X đang gặp khó khăn nên xin được trả dần khoản nợ trên mỗi tháng với mức 4.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Trường hợp hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ thì đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật; về phương thức trả nợ bà V và ông X đồng ý để đến giai đoạn thi hành án sẽ thỏa thuận lại với bà D. Đồng thời do bận đi làm ăn không có điều kiện đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà V và ông X xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D vắng mặt nhưng trong ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi một phần tại phiên hòa giải ngày 03/6/2022; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đã được thay đổi một phần tại phiên hòa giải ngày 03/6/2022, giải quyết buộc bà V và ông X cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền nợ hụi là 52.900.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông X trả số tiền nợ hụi là 88.000.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 98.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng nhưng chưa đầy đủ; Hội đồng xét xử xác định lại quan

hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà V và ông X có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà D, các bị đơn bà V và ông X vắng mặt nhưng đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông X trả số tiền nợ hụi là 88.000.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 98.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 03/6/2022, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông X trả số tiền nợ hụi là 52.900.000đồng và số tiền nợ vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà D là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, bà D, bà V và ông X thống nhất thừa nhận đối với dây hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, mở ngày 25/8/2018 âm lịch; dây hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, mở ngày 10/10/2019 âm lịch; dây hụi 2.000.000đồng, mở ngày 15/8/2020 âm lịch; dây hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần theo yêu cầu khởi kiện của bà D (bao gồm cả 02 dây hụi tháng 500.000đồng, mỗi dây đều có 30 phần, 01 dây còn 11 lần mới mãn và 01 dây còn 06 lần mới mãn) thì hai bên đã có tính toán, khấu trừ và kết nợ với nhau xong, theo đó bà V và ông X còn nợ bà D số tiền hụi là 52.900.000đồng. Đồng thời, bà D, bà V và ông X cũng thống nhất thừa nhận bà V và ông X còn nợ bà D số tiền vay mượn là 10.000.000đồng. Hiện nay, bà V và ông X cũng đồng ý trả cho bà D toàn bộ số tiền còn nợ này. Sự thừa nhận này của bà D, bà V và ông X là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và cũng hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà V và ông X có nợ bà D số tiền hụi là 52.900.000đồng và số tiền vay mượn là 10.000.000đồng, tổng cộng là 62.900.000đồng là sự thật, cho đến nay bà V và ông X chưa trả số tiền còn nợ này cho bà D là vi phạm thỏa thuận về góp hụi và vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi trong việc giao tiền hụi cho hụi viên và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, phường và các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông

X trả cho bà D số tiền nợ hụi và số tiền nợ vay mượn tổng cộng là 62.900.000đồng, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ gốc 62.900.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[7] Về việc bà D yêu cầu bà V và ông X trả số tiền còn nợ cho bà D trong 01 hoặc 02 lần, không đồng ý cho trả dần cũng như việc bà V và ông X yêu cầu cho bà V và ông X được trả dần số tiền còn nợ cho bà D với mức 4.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà V và ông X phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ hụi và số tiền nợ vay mượn tổng cộng là 62.900.000đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà V và ông X phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng số tiền phải trả cho bà D là 62.900.000đồng x 5% = 3.145.000đồng (trong đó mỗi người phải chịu tương ứng là 1.572.500đồng), nhưng do ông X là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu được miễn án phí sơ thẩm nên ông X được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bà V và ông X trả số tiền hụi và số tiền vay mượn.

Buộc bà V và ông X phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền hụi và số tiền vay mượn còn nợ, tổng cộng là 62.900.000đồng (*Sáu mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà V và ông X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà D đã nộp là 2.450.000đồng (*Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003835, ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà V phải chịu án phí sơ thẩm là 1.572.500đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

- Ông X được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt